

Số: 29 /NQ-HĐND

Kim Thành, ngày 30 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;
Kế hoạch đầu tư công năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KIM THÀNH
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư công;
Căn cứ Nghị quyết số 1669/NQ-UBTVQH15 ngày 16 ngày 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hải Phòng năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 ngày 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân 4 xã: Đồng Cẩm, Hòa Bình, Tam Kỳ, Đại Đức (cũ) nay là xã Kim Thành về việc điều chỉnh bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2025.

Xét Tờ trình số 153 /TTr-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2025 của UBND xã về ban hành Nghị quyết về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch đầu tư công năm 2025.; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - xã hội, Hội đồng nhân dân xã và các ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch đầu tư công năm 2025.với các nội dung sau:

I. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

1. Về nguồn vốn:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công 5 năm 2021-2025: 177 tỷ 563 triệu đồng, cụ thể:

- Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 50 tỷ 588 triệu đồng;
- Vốn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu: 105 tỷ 586 đồng;

- Vốn khác (tăng thu; tiết kiệm chi; vốn khác...): 21 tỷ 389 triệu đồng.

2. Phương án phân bổ kế hoạch vốn:

Tổng nguồn vốn phân bổ là: 177 tỷ 563 triệu đồng, cụ thể:

-Trả nợ XDCB cho 26 công trình hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2020: 19 tỷ 574 triệu đồng;

- 01 công trình chuyển tiếp: 273 triệu đồng;

- 32 công trình khởi công mới: 157 tỷ 716 triệu đồng

(Có biểu 01 chi tiết kèm theo)

II. Dự kiến Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025.

1. Về nguồn vốn:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025: 67 tỷ 404 triệu đồng, cụ thể:

- Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 12 tỷ 540 triệu đồng;

- Vốn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu: 35 tỷ 864 triệu đồng;

- Vốn khác: 19 tỷ đồng

2. Phương án phân bổ kế hoạch vốn:

Tổng nguồn vốn phân bổ là: 67 tỷ 404 triệu đồng

-Trả nợ XDCB cho 34 công trình hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024: 35 tỷ 518 triệu đồng;

- 04 công trình khởi công mới: 31 tỷ 886 triệu đồng

(Có biểu 02 chi tiết kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân xã giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định. Giao cho UBND xã quyết định, điều chỉnh chủ trương đầu tư các công trình dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách xã.

Trong quá trình điều hành ngân sách, có những vấn đề phát sinh, Ủy ban nhân dân xã giải quyết và báo cáo HĐND xã tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Giao cho Thường trực HĐND xã, các Ban của HĐND xã và các đại biểu HĐND xã theo chức năng, nhiệm vụ giám sát thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Kim Thành khoá I, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 30 tháng 7 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TTHĐND thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Ban Thường vụ Đảng ủy xã;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Văn phòng HĐND và UBND xã;
- Lưu: TT HĐND.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Tuyền



CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Nghị quyết số 29/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của HĐND xã Kim Thành)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020	còn nợ đến hết ngày năm 2020	Dự kiến kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025						Ghi chú	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Bao gồm					Trong đó: Thanh toán nợ XDCB
									ngân sách TW	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	ngân sách xã	Vốn khác		
	TỔNG CỘNG			247.974	60.224	15.858	177.563	177.563	-	105.586	50.588	21.389	19.574	
I	Các dự án hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2020			71.530	55.331	15.858	19.574	19.574	-	4.222	15.352	-	19.574	
1	Trường Mầm Non Bình Dân, hạng mục: Sân lấp; Cổng; Tường rào, nâng cấp tầng 2 nhà lớp học 1 tầng 4 phòng móng 2 tầng	Cụm số 6	2017-2018	5.000	4.405	114	114	114			114		114	
2	Trường Mầm Non xã Bình Dân, hạng mục Nhà hiệu bộ, chức năng	Cụm số 6	2017	5.490	4.889	115	115	115			115		115	
3	Trường Mầm Non xã Bình Dân, hạng mục: Nhà bảo vệ, nhà bếp, nhà xe	Cụm số 6	2017-2018	1.517	1.312	90	90	90			90		90	
4	HTKT điểm dân cư số 5 thôn Trung Tuyến	Cụm số 6	2017-2018	2.783	2.435	114	114	114			114		114	
5	Trường Mầm Non xã Bình Dân, hạng mục: Sân đường, bồn hoa, rãnh thoát nước	Cụm số 6	2018-2019	2.543	1.703	641	641	641		506	135		641	
6	Sân thể thao xã Bình Dân, hạng mục: Sân nền, giao thông, thoát nước	Cụm số 6	2017-2018	3.483	3.091	132	132	132			132		132	
7	Nhà lớp học 2 tầng, 8 phòng (móng 3 tầng) trường Tiểu học xã Bình Dân	Cụm số 6	2019	6.354	5.012	821	821	821			821		821	
8	Sân lấp công trường rào trường Mầm non Liên Hòa	Cụm số 5	2018	2.843	2.499	344	344	344			344		344	
9	Sân lấp sân tập trường THCS	Cụm số 5	2018	722	610	112	112	112			112		112	
10	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Mầm non	Cụm số 5	2018-2019	4.978	4.871	107	107	107			107		107	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lấy kế vốn đã bỏ trị đến hết năm 2020	còn nợ đến hết ngày năm 2020	Dự kiến kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
							Trung đó: vốn trung cần đối NSDP						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Bao gồm			Trong đó: Thanh toán nợ XDCB	
									ngân sách TW	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	ngân sách xã		
11	Cải tạo nâng cấp công hàng rào & các hạng mục phụ trợ trụ sở UBND xã Liên Hoà	Cụm số 5	2019	1.981	1.117	864	864			864		864	
12	Nhà hiệu bộ và phòng học 2 tầng trường Mầm non Liên Hòa	Cụm số 5	2019-2020	5.760	4.461	1.299	1.299			1.299		1.299	
13	Nhà lớp học 02 tầng, 08 phòng trường THCS Liên Hòa	Cụm số 5	2019-2020	6.635	5.814	821	821			821		821	
14	Cải tạo nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và nhà lớp học 2 tầng 10 phòng trường Tiểu học Liên Hòa	Cụm số 5	2020	450	-	450	450			450		450	
15	Cải tạo bồn hoa, sân bê tông trường THCS Liên Hòa	Cụm số 5	2020	566	-	566	566			566		566	
16	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường tiểu học Đại Đức	Cụm số 4	2016 -2017	3.750	3.750	2.150	2.150		200	1.950		2.150	
17	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường THCS Đại Đức, huyện Kim Thành	Cụm số 4	2018-2019	5.192	5.192	3.192	3.192		300	2.892		3.192	
18	Trường Tiểu Học Đại Xuyên 2 tầng 8 phòng	Cụm số 4	2016-2017	3.669	3.669	329	329			329		329	
19	Nâng cấp sân thể thao xã Đại Đức	Cụm số 4	2018	998		998	998		998			998	
20	San lấp và xây mới hệ rãnh nhà lớp học 1 Tầng 4 phòng trường tiểu học Kiến Đức	Cụm số 4	2018	1.050			1.050		477	573		1.050	
21	Nhà lớp học 3 phòng tầng 2 Trường Mầm non kiến đức xã Đại Đức	Cụm số 4	2019-2020	1.500		1.500	1.500			1.500		1.500	
22	Đường giao thông nông thôn xã Đại Đức; Đoạn từ mầm non Nguyễn Bạo đến kênh KT3	Cụm số 4	2020	1.015			1.015		741	274		1.015	
23	Hàng rào nghĩa trang liệt sỹ	Cụm số 4	2020	750			750		500	250		750	
24	Các Hạng mục phụ trợ trường tiểu học Đại Đức HM Sân lát gạch, bồn hoa, tấm đan rãnh thoát nước	Cụm số 4	2020	901			901		500	401		901	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lấy kế vốn đã bỏ trị đến hết năm 2020	còn nợ đến hết ngày năm 2020	Dự kiến kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
							Trong đó: vốn trong cân đối NSDP						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Bao gồm			Trong đó: Thanh toán nợ XDCB	
									ngân sách TW	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	ngân sách xã		
25	Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Tam Kỳ đoạn từ nhà ông Tron đến nhà ông Thắng thôn Nghĩa Xuyên	Cụm số 3	2019	824	97	727	727	727		727		727	
26	Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Tam Kỳ đoạn từ đoạn từ Nhà văn hóa thôn Nại Đồng đến ngã tư nhà Đẳng thôn Nại Đồng	Cụm số 3	2019	776	404	372	372	372			372		372
II	Các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025			5.166	4.893	-	273	273	-	-	273	-	-
I	Hội trường UBND xã Đồng Cẩm	Cụm số 1	2020-2021	5.166	4.893		273	273			273		
III	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2015, dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025			171.278	-	-	157.716	157.716	-	101.364	34.963	21.389	-
1	Nâng tầng 2 và mở rộng nhà lớp học 1 tầng 3 phòng trường Tiểu học Liên Hòa	Cụm số 5	2021	3.620			3.620	3.620		2.900		720	
2	Cải tạo nghĩa trang liệt sỹ Liên Hòa	Cụm số 5	2022	929			929	929		400		529	
3	Nhà vệ sinh học sinh Trường THCS Bình Dân	Cụm số 6	2022	754			537	537		200	337		
4	Nhà hiệu bộ và 02 phòng học, nâng tầng 3 nhà lớp học 2 tầng Trường Tiểu học Bình Dân	Cụm số 6	2023-2024	9.446			8.807	8.807		8.775	32		
5	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 07 thôn Phong Nội, xã Bình Dân	Cụm số 6	2024-2025	2.541			734	734		734			
6	Đường giao thông nội đồng thôn Quảng Bình: Đoạn từ nhà ông Đẳng đến đường số 4	Cụm số 2	2021	620			620	620			620		
7	Đường giao thông nội đồng thôn Đồng Xá Nam: Đoạn từ nhà ông Lành đến cổng ông Hằng	Cụm số 1	2021	380			380	380			380		
8	Nhà lớp học 2 tầng 2 phòng, nhà vệ sinh học sinh trường tiểu học Đồng Cẩm	Cụm số 1	2021-2022	2.502			2.502	2.502		1.000	1.502		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020	còn nợ đến hết ngày năm 2020	Dự kiến kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Bao gồm				Trong đó: Thanh toán nợ XDCB	
								Tổng số	Ngân sách				
									ngân sách TW	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	ngân sách xã		
9	Đường giao thông nông thôn xã Đồng Cẩm: Đoạn từ chùa bụi đến NTL5 xã, đoạn từ QL17b đến cổng ông Ngọ thôn Phi Gia, đoạn từ chợ Đồng đến ngã ba nhà bà Luyến thôn ĐXB và đoạn từ QL17b đến nhà ông Tam thôn Đồng Xá Nam	Cụm số 1	2021-2022	13.188		13.188	13.188	7.000	5.848	340			
10	Nhà đa năng trường tiểu học Đồng Cẩm cơ sở 2, huyện Kim Thành	Cụm số 2	2021-2022	1.987			1.987	1.000	987				
11	Đường giao thông nông thôn xã Đồng Cẩm: Đoạn từ QL17b đến nhà ông Báo thôn Đại Đồng và đoạn thôn Quảng Bình	Cụm số 2	2021-2022	5.884			5.884	3.000	2.084	800			
12	Đường giao thông nội đồng thôn Đồng Xá Nam, xã Đồng Cẩm, huyện Kim Thành: Đoạn từ nhà ông Tiến đến nhà ông Vinh	Cụm số 1	2022	164			164		164				
13	Nâng cấp khu trải nghiệm trường mầm non Đồng Cẩm; Hạng mục: Hoàn thiện khu trải nghiệm	Cụm số 1	2022	331			331		331				
14	Trụ sở Công an xã Đồng Cẩm	Cụm số 1	2023	5.714			5.714	5.714					
15	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ Đồng Gia và nghĩa trang liệt sỹ Cẩm La xã Đồng Cẩm, huyện Kim Thành	Cụm số 1+2	2024-2025	7.687			7.687	7.687					
16	Cải tạo trường Mầm non cơ sở 1 (Đồng Gia) và trường Mầm non cơ sở 2 (Cẩm La) xã Đồng Cẩm, huyện Kim Thành	Cụm số 1+2	2024	2.161			2.161	2.161	1.215	946			
17	Xây dựng, cải tạo sân vườn trường Tiểu học Tam Kỳ, huyện Kim Thành	Cụm số 3	2022	3.183			3.183	3.183	750	2.433			
18	Xây dựng hạ tầng giao thông tuyến đường trục chính thôn Kỳ Côi, xã Tam Kỳ	Cụm số 3	2022	1.580			1.580	1.580	945	635			
19	Xây dựng hạ tầng giao thông tuyến đường trục chính thôn Nại Đông, xã Tam Kỳ	Cụm số 3	2022	10.130			10.130	10.130	1.833	8.297			
20	Trụ sở Công an xã Tam Kỳ	Cụm số 3	2023	6.124			6.124	6.124	6.124				

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lấy kế vốn đã bỏ tri đến hết năm 2020	còn nợ đến hết ngày năm 2020	Dự kiến kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025						Ghi chú	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn trong cân đối NSDP				Trong đó: Thanh toán nợ XDCB		
								Tổng số	Bao gồm					Vốn khác
									ngân sách TW	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	ngân sách xã			
21	Cải tạo nghĩa trang liệt sỹ xã Tam Kỳ	Cụm số 3	2022	956			956	157	799					
22	Nhà đa năng và các công trình phụ trợ THCS xã Tam Kỳ	Cụm số 3	2024-2025	7.342			7.342		2.000	5.342				
23	Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường tiểu học Kiến Đức, xã Đại Đức, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	Cụm số 4	2022	9.304			9.184	9.184						
24	Trường tiểu học Đại Đức - điểm trường Đại Xuyên. Hạng mục: Nhà đa năng và nhà lớp học 3 tầng 9 phòng.	Cụm số 4	2022	11.985			11.985	11.065	920					
25	Nâng cấp các tuyến đường giao thông, đường điện, trạm biến thế giai đoạn 2 khu vực nuôi trồng thủy sản Đầm Tôm thuộc xã Đại Đức	Cụm số 4	2021	6.396			6.379	6.379	6.349	30				
26	Trụ sở Công an xã Đại Đức	Cụm số 4	2023	5.382			5.382	5.382						
27	Nâng cấp cải tạo đường trục chính từ bảng tin thôn Kim Định đến đê thôn Văn Thọ	Cụm số 4	2023-2026	14.993			4.231	4.231	4.231					
28	Nhà Văn hóa thôn Tân Tiến	Cụm số 4	2022	4.109			4.109	4.109	3.968	141				
29	Sửa chữa Trụ sở làm việc Đảng ủy - UBND xã	Cụm số 1	2025	9.325			9.325	9.325	6.190	3.135				
30	Sửa chữa Trụ sở làm việc Cơ quan Đảng - HĐND - UBND xã	Cụm số 6	2025	3.561			3.561	3.561						
31	Xây dựng điểm Trường Mầm non thôn Kỳ Côi	Cụm số 3	2025-2026	12.000			12.000	12.000			12.000			
32	Cải tạo, mở rộng các nghĩa trang nhân dân: Ba Đại, Rô Lạng - thôn Kỳ Côi, Đồng Đình - Thôn Nại Đông, Đồng Tệt - thôn Tân Tiến	Cụm số 4	2025-2026	7.000			7.000	7.000			7.000			



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Nghị quyết số 29/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của HĐND xã Kim Thành)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024	còn nợ đến hết ngày năm 2024	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2025						Ghi chú	Số nợ đến 30/6/2025
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số ngân sách TW	Bao gồm			Trong đó: Thanh toán nợ XDCB		
									ngân sách cấp trên hỗ trợ	ngân sách xã	Vốn khác			
	TỔNG CỘNG			194.916	107.748	44.685	67.404	-	35.864	12.540	19.000	35.518		21.450
I	Các dự án hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2020			29.943	25.151	2.695	2.695	-	-	2.695	-	2.695		
1	Trường Mầm Non Bình Dân, hạng mục: San lấp; Cổng; Tường rào, nâng cấp tầng 2 nhà lớp học 1 tầng 4 phòng móng 2 tầng	Cụm số 6	2017-2018	5.000	4.502	17	17			17		17	Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	
2	Trường Mầm Non xã Bình Dân, hạng mục Nhà hiệu bộ, chức năng	Cụm số 6	2017	5.490	4.985	19	19			19		19	Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	
3	Trường Mầm Non xã Bình Dân, hạng mục: Nhà bảo vệ, nhà bếp, nhà xe	Cụm số 6	2017-2018	1.517	1.392	10	10			10		10	Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	
4	HTKT điểm dân cư số 5 thôn Trung Tuyên	Cụm số 6	2017-2018	2.783	2.535	14	14			14		14	Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	
5	Sân thể thao xã Bình Dân, hạng mục: Sân nền, giao thông, thoát nước	Cụm số 6	2017-2018	3.483	3.211	12	12			12		12	Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	
6	Nhà lớp học 2 tầng, 8 phòng (móng 3 tầng) trường Tiểu học xã Bình Dân	Cụm số 6	2019	6.354	5.807	26	26			26		26	Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	
7	Sân lấp và xây mới hè rãnh nhà lớp học 1 Tầng 4 phòng trường tiểu học Kiến Đức	Cụm số 4	2018	1.050	477	573	573			573		573	nợ	573
8	Đường giao thông nông thôn xã Đại Đức: Đoạn từ mầm non Nguyễn Bạo đến kênh KT3	Cụm số 4	2020	1.015	741	274	274			274		274	nợ	274

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024	còn nợ đến hết ngày năm 2024	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2025							Ghi chú	Số nợ đến 30/6/2025
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Bao gồm			Trong đó: Thanh toán nợ XDCB			
									ngân sách TW	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	ngân sách xã		Vốn khác		
9	Hàng rào nghĩa trang liệt sỹ	Cụm số 4	2020	750	500	250	250			250		250	nợ	250	
10	Các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Đại Đức HM Sân lát gạch, bồn hoa, tấm đan rãnh thoát nước	Cụm số 4	2020	901	500	401	401			401		401	nợ	401	
11	Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Tam Kỳ đoạn từ nhà ông Tron đến nhà ông Tháng thôn Nghĩa Xuyên	Cụm số 3	2019	824	97	727	727			727		727	Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025		
12	Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Tam Kỳ đoạn từ đoạn từ Nhà văn hóa thôn Nại Đồng đến ngã tư nhà Đặng thôn Nại Đồng	Cụm số 3	2019	776	404	372	372			372		372	Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025		
II	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2024, dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025			133.087	82.597	41.990	32.823	-	26.113	6.710		32.823			
I	Nhà hiệu bộ và 02 phòng học, nâng tầng 3 nhà lớp học 2 tầng Trường Tiểu học Bình Dân	Cụm số 6	2023-2024	9.446	8.000	807	807		775	32		807	Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025		
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 07 thôn Phong Nội, xã Bình Dân	Cụm số 6	2024-2025	2.541			734		734			734	còn 2 hộ chưa nhận tiền hỗ trợ, nên chưa thi công		
3	Nhà lớp học 2 tầng 2 phòng, nhà vệ sinh học sinh trường tiểu học Đồng Cẩm	Cụm số 1	2021-2022	2.502	2.236	266	266		150	116		266	Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025		
4	Đường giao thông nông thôn xã Đồng Cẩm: Đoạn từ chùa bụi đến NTLS xã, đoạn từ QL17b đến công ông Ngọ thôn Phú Già, đoạn từ chợ Đồng đến ngã ba nhà bà Luyến thôn ĐXB và đoạn từ QL17b đến nhà ông Tam thôn Đồng Xá Nam	Cụm số 1	2021-2022	13.188	12.651	537	537		420	117		537	Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025		
5	Nhà đa năng trường tiểu học Đồng Cẩm cơ sở 2, huyện Kim Thành	Cụm số 2	2021-2022	1.987	1.764	223	223		150	73		223	Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024	còn nợ đến hết ngày năm 2024	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2025							Ghi chú	Số nợ đến 30/6/2025
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Bao gồm				Trong đó: Thanh toán nợ XDCB		
									ngân sách TW	Ngân sách cấp trên hỗ trợ	ngân sách xã	Vốn khác			
6	Đường giao thông nông thôn xã Đồng Cẩm: Đoạn từ QL17b đến nhà ông Bảo thôn Đại Đồng và đoạn thôn Quảng Bình	Cụm số 2	2021-2022	6.046	5.719	327	327	327	200	127		327	Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025		
7	Nâng cấp khu trải nghiệm trường mầm non. Đồng Cẩm; Hạng mục: Hoàn thiện khu trải nghiệm.	Cụm số 1	2022	331			331	331		331		331	nợ	331	
8	Trụ sở Công an xã Đồng Cẩm	Cụm số 1	2023	5.714	4.407	1.307	1.307	1.307	1.307			1.307	Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025		
9	Cải tạo, nung cấp nghĩa trang liệt sỹ Đồng Già và nghĩa trang liệt sỹ Cẩm La xã Đồng Cẩm, huyện Kim Thành	Cụm số 1+2	2024-2025	7.687	-	3.149	3.149	3.149	3.080	69		3.149	Công trình dở dang	4.560	
10	Cải tạo trường Mầm non cơ sở 1 (Đồng Già) và trường Mầm non cơ sở 2 (Cẩm La) xã Đồng Cẩm, huyện Kim Thành	Cụm số 1+2	2024	2.161		1.748	1.748	1.748	1.215	533		1.748	nợ	533	
11	Xây dựng, cải tạo sân vườn trường Tiểu học Tam Kỳ; huyện Kim Thành	Cụm số 3	2022	3.183	2.416	767	767	767	750	17		767	Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025		
12	Xây dựng hạ tầng giao thông tuyến đường trục chính thôn Kỳ Cối, xã Tam Kỳ	Cụm số 3	2022	1.580	630	950	950	950	945	5		950	Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025		
13	Xây dựng hạ tầng giao thông tuyến đường trục chính thôn Nại Đồng, xã Tam Kỳ	Cụm số 3	2022	10.130	8.297	1.833	1.833	1.833	1.833			1.833	Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025		
14	Trụ sở Công an xã Tam Kỳ	Cụm số 3	2023	6.124	4.627	1.497	1.497	1.497	1.497			1.497	Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025		
15	Cải tạo nghĩa trang liệt sỹ xã Tam Kỳ	Cụm số 3	2022	956	146	810	810	810	157	653		810	Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025		
16	Nhà đa năng và các công trình phụ trợ THCS xã Tam Kỳ	Cụm số 3	2024-2025	7.342	1.970	4.841	5.371	5.371	2.000	3.371		5.371	nợ	2.500	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024	còn nợ đến hết ngày năm 2024	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2025							Ghi chú	Số nợ đến 30/6/2025
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số ngân sách TW	Bao gồm			Trong đó: Thanh toán nợ XDCB			
									ngân sách cấp trên hỗ trợ	ngân sách xã	Vốn khác				
													Tổng số		
17	Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường tiểu học Kiến Đức, xã Đại Đức, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	Cụm số 4	2022	9.304	5.814	4.000	4.000		4.000			4.000	Đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2025		
18	Trường tiểu học Đại Đức - điểm trường Đại Xuyên. Hạng mục: Nhà đa năng và nhà lớp học 3 tầng 9 phòng.	Cụm số 4	2022	11.985	8.264	3.721	3.721		2.900	821		3.721	nợ	821	
19	Nâng cấp các tuyến đường giao thông, đường điện, trạm biến thế giai đoạn 2 khu vực nuôi trồng thủy sản Đầm Tôm thuộc xã Đại Đức	Cụm số 4	2021	6.396	5.549	830	830		800	30		830	nợ	30	
20	Trụ sở Công an xã Đại Đức	Cụm số 4	2023	5.382	3.908	1.474	1.474		1.200	274		1.474	nợ	274	
21	Nâng cấp cải tạo đường trục chính từ bảng tin thôn Kim Định đến đê thôn Văn Thọ	Cụm số 4	2023-2025	14.993	2.231	12.762	2.000		2.000			2.000	Công trình đã đang	10.762	
22	Nhà Văn hóa thôn Tân Tiến	Cụm số 4	2022	4.109	3.968	141	141			141		141	nợ	141	
III	Các dự án khởi công mới năm 2025, dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025			31.886	-	-	31.886	-	9.751	3.135	19.000				
1	Sửa chữa Trụ sở làm việc Đảng ủy - UBND xã	Cụm số 1	2025	9.325			9.325		6.190	3.135					
2	Sửa chữa Trụ sở làm việc Cơ quan Đảng - HĐND - UBND xã	Cụm số 6	2025	3.561			3.561		3.561						
3	Xây dựng điểm Trường Mầm non thôn Kỳ Côi	Cụm số 3	2025-2026	12.000			12.000				12.000				
4	Cải tạo, mở rộng các nghĩa trang nhân dân: Ba Đại, Rò Lạng - thôn Kỳ Côi, Đồng Đình - Thôn Nại Đồng, Đồng Tệt - thôn Tân Tiến	Cụm số 4	2025-2026	7.000			7.000				7.000				

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 29/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của HĐND xã Kim Thành)

Đvt: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Vị trí dự kiến đấu giá	KẾ HOẠCH ĐẤU GIÁ ĐẤT		Ghi chú
		GIAI ĐOẠN 2021 - 2025		
		Diện tích (m2)	Thành tiền	
1	Điểm dân cư số 7 thôn Phong nội	1.734	11.271	Đang GPMB
2	Điểm dân cư Phí Gia giai đoạn 2	1.962	40.426	Đấu giá năm 2021
3	Điểm dân cư mới số 1 thôn Kiến Lễ, xã Đại Đức	4.759	40.014	Đấu giá năm 2021
4	Điểm dân cư mới khu Đồng Dừa, thôn Kỳ Côi	4.309	75.723	Đấu giá năm 2021
5	Khu dân cư mới xóm Mạnh Hà 2, thôn Kỳ Côi; Điểm dân cư mới thôn Đồng Kênh, xã Tam Kỳ	1.741	27.079	Đấu giá năm 2025
6	Đất dôi dư, xen kẹt	230	2.760	
	Tổng cộng	14.505	194.513	
1	Số tiền NS xã hưởng theo tỷ lệ điều tiết (năm 2021: xã 30%; năm 2022: cấp xã 20%, giai đoạn 2023 - 2025: cấp xã: 15%)		53.671	


HĐND XÃ KIM THÀNH
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 29/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của HĐND xã Kim Thành)

Đvt: triệu đồng

TT	Vị trí dự kiến đấu giá	KẾ HOẠCH ĐẤU GIÁ NĂM 2025		Ghi chú
		Diện tích (m ²)	Thành tiền	
1	Điểm dân cư số 7 thôn Phong nội	1.734	11.271	Đang GPMB
2	Khu dân cư mới xóm Mạnh Hà 2, thôn Kỳ Côi; Điểm dân cư mới thôn Đồng Kênh, xã Tam Kỳ	1.741,4	27.079	Đã đấu giá xong, đang thu tiền
3	Đất dôi dư, xen kẹt	230	2.760	
	Tổng cộng		38.350	
1	Số tiền NS xã hưởng theo tỷ lệ điều tiết 15 %		1.691	
2	Số tiền NS xã hưởng theo tỷ lệ điều tiết 30%		8.124	
3	Số tiền NS xã hưởng theo tỷ lệ điều tiết 100%		2.760	
	Tổng cộng số tiền NS xã được hưởng		12.574	